

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2018/DS-PT

Ngày: 05 - 02 - 2018

V/v: “Yêu cầu áp dụng các biện pháp bảo vệ quyền sở hữu(yêu cầu chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật quyền sử dụng đất, yêu cầu tháo dỡ, thu dọn công trình kiến trúc, chặt đốn cây trả lại quyền sử dụng đất), yêu cầu bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng do tài sản bị xâm phạm”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI**

-Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Minh Tiến

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Bá Nhật
Bà Lê Thị Mỹ Giang

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Huệ - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi: Bà Nguyễn Thị Đào - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 31 tháng 01 và ngày 05 tháng 02 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 29/2017/TLPT-DS ngày 02 tháng 11 năm 2017, về việc “*Yêu cầu áp dụng các biện pháp bảo vệ quyền sở hữu (yêu cầu chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật quyền sử dụng đất, yêu cầu tháo dỡ, thu dọn công trình kiến trúc, chặt đốn cây trả lại quyền sử dụng đất), yêu cầu bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng do tài sản bị xâm phạm*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 35/2017/DS-ST ngày 18 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố Q bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 117/2018/QĐ-PT ngày 11 tháng 01 năm 2018.

- Nguyên đơn:

1. Ông Bùi T, sinh năm 1954;
2. Bà Cao Thị S, sinh năm 1953;

Người đại diện theo ủy quyền của bà Cao Thị S: Ông Bùi T (theo giấy ủy quyền ngày 11/8/2017).

Cùng cư trú tại tổ dân phố L, phường T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

- *Bị đơn:*

1. Ông Cao Văn H, sinh năm 1950;

2. Anh Cao Phi H1, sinh năm 1985;

Cùng cư trú tại tổ dân phố L, phường T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn ông Cao Văn H: Ông Thiều Quang V là luật sư của Văn phòng luật sư Quang V, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Quảng Ngãi (do Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Quảng Ngãi cử theo Quyết định số 145/QĐ-TGPL ngày 12/10/2016).

Cư trú tại tổ 11, phường N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Phạm Hồng C, sinh năm 1977;

2. Bà Cao Thị Lệ H, sinh năm 1981;

Cùng cư trú tại tổ dân phố T, phường T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

3. Ông Trương Văn T, sinh năm 1977;

4. Bà Nguyễn Thị Đăng T, sinh năm 1982;

Cùng cư trú tại thôn P, xã T, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.

5. Bà Nguyễn Thị Lệ H, sinh năm 1960; cư trú tại tổ dân phố L, phường T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

6. Ủy ban nhân dân thành phố Q;

Địa chỉ: Số 48 đường H, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Tấn H, chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Q.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Thanh H, chức vụ: Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Q, (Theo Quyết định ủy quyền tham gia tố tụng số 4980/QĐ-UBND ngày 23/8/2017).

7. Ủy ban nhân dân phường T;

Địa chỉ: Phường T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Quang M, chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường T.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thụy Như T, chức vụ: Công chức địa chính - xây dựng phường T. (Được ủy quyền theo văn bản ủy quyền ngày 23 tháng 01 năm 2018).

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn ông Bùi T, bà Cao Thị S; bị đơn ông Cao Văn H, anh Cao Phi H1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 09/8/2016, đơn khởi kiện sửa đổi, bổ sung ngày 29/8/2016 và ngày 27/7/2017, đơn khởi kiện bổ sung ngày 20/02/2017, Biên bản hòa giải ngày 24/8/2017 và tại phiên tòa ông Bùi T là nguyên đơn và là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Cao Thị S trình bày:

Thửa đất số 77 của ông H đang ở là ông H có từ sau năm 1980, đến năm 1992 Nhà nước quy hoạch khu dân cư phía Đông. Năm 1992 ranh giới giữa đất của ông, bà và ông H có cây bạch đàn của ông H trồng. Đến năm 1998 ông, bà mới làm nhà trên thửa đất số 74 thì bạch đàn đã lớn. Năm 2000 ông H đốn bạch đàn để điều chỉnh về đất đai thì ông H có đưa giấy cho ông ký đồng ý về ranh giới, nhưng cơ quan có thẩm quyền không chấp nhận. Ngày 03/9/2004 ông H có điều chỉnh hồ sơ thửa đất, cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông H ranh giới phía Đông là đường thẳng.

Khi ông, bà nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất diện tích 160m², thửa đất 598, tờ bản đồ số 23, tọa lạc tổ dân phố L, phường T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi từ ông Trương Văn T, bà Nguyễn Thị Đăng T, nguồn gốc thửa đất 598 do ông H tách từ thửa 77, sau đó tặng cho bà Cao Thị Lệ H, ông Phạm Hồng C theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BH 991501, do Ủy ban nhân dân huyện S cấp ngày 09/01/2012. Ngày 16/3/2016 bà H, ông C chuyển nhượng cho ông T, bà T, sau đó ông T, bà T chuyển nhượng thửa đất số 598 cho ông, bà được Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Quảng Ngãi - chi nhánh thành phố Q chỉnh lý xác nhận vào ngày 10/5/2016. Ông, bà mua vật liệu, thuê thợ đến để xây tường nhưng ông H, ông H1 cản trở không cho làm là không đúng, vi phạm quyền sử dụng đất hợp pháp và gây thiệt hại cho ông, bà.

Vì vậy, ông, bà yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Q giải quyết:

- Buộc ông Cao Văn H, ông Cao Phi H1 chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật việc xây dựng tường rào hợp pháp của vợ chồng ông, bà trên thửa đất số 598, tờ bản đồ số 23, diện tích 160m², có giới cận: Đông giáp thửa đất số 74 của ông, bà và nương thoát nước; Tây giáp thửa đất số 77 của ông Cao Văn H; Nam giáp thửa đất của bà Nguyễn Thị Tổ Q; Bắc giáp đường đi trong xóm, tọa lạc tại tổ dân phố L, phường T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi. Buộc vợ chồng ông H, bà H tháo dỡ, thu dọn các công trình kiến trúc gồm: 02 đoạn tường xây gạch phía Đông: Đoạn 1 cao 3m, dài 5,5m, đoạn 2 cao 2,5m, dài 6,6m; 01 đoạn tường gạch cao 2,5m, dài 5m ở phía Nam; 02 trụ bê tông hình vuông cạnh 0,2m; móng, nền, tường còn lại của ki ốt và chặt đốn 02 cây cau cao 8m, đường kính 0,2m; 03 cây chuối; 01 cây đu đủ cao 5m, đường kính 0,18m; 01 cây khế có 02 nhánh, đường kính mỗi nhánh 0,15m; 01 cây mai cao 1,6m, đường kính 0,03m để trả lại cho vợ chồng ông, bà diện tích đất 160m² (đo thực tế 175,6m²) thuộc thửa đất số 598, nhưng tại phiên tòa sơ thẩm ông T thay đổi yêu cầu, yêu cầu vợ chồng ông H, bà H trả cho vợ chồng ông, bà diện tích đất 160m², thuộc thửa đất số 598 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BH 991501, số vào sổ cấp giấy chứng nhận “CH” 01624 do UBND huyện S cấp ngày 09/01/2012, được Văn phòng đăng ký đất

đại tỉnh Quảng Ngãi-Chi nhánh thành phố Q xác nhận chỉnh lý quyền sử dụng đất cho vợ chồng ông, bà vào ngày 10/5/2016.

- Buộc ông H và anh H1 liên đới bồi thường cho ông, bà tổng số tiền thiệt hại tài sản do hành vi cản trở trái pháp luật quyền sử dụng đất gây ra là 1.420.000 đồng. Trong đó, tiền công 6 thợ hồ đến làm ngày 13/7/2016 là 1.000.000 đồng, tiền xi măng ướm 6 bao, cửa hàng tính 03 bao là 240.000 đồng, tiền vận chuyển xi măng về và chở đi trả là 180.000 đồng.

Ông, bà không đồng ý bồi thường thiệt hại tài sản cho vợ chồng ông H, bà H 1.690.000 đồng.

Tại đơn khởi kiện phản tố ngày 05/12/2016; Đơn sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện phản tố ngày 19/01/2017, bản trình bày ý kiến ngày 10/10/2016, Bản tự khai ngày 15/5/2017, Biên bản hòa giải ngày 24/8/2017 và tại phiên tòa bị đơn ông Cao Văn H trình bày:

Gia đình ông ở thửa đất hiện nay từ năm 1982, đến năm 1992 nhà nước quy hoạch nhưng đất gia đình ông không nằm trong vùng quy hoạch. Lúc này ranh giới giữa đất nhà ông và nhà ông T có ranh giới là cây mít và bạch đàn. Về nương nước thì nhà nước có quy hoạch nhưng không thực hiện trên thực tế và quy hoạch nương nước nằm ngoài thửa đất của ông ở phía Đông. Đất của ông từ năm 1982 đến nay sử dụng ổn định, lâu dài và nhà nước đã công nhận là của vợ chồng ông, nếu có sai thì là do đo đạc. Diện tích đất của ông T hiện tại sử dụng thửa số 74 nhiều hơn so với đất của ông T lúc được cơ quan nhà nước cấp.

Vào năm 2002 khi tách thửa đã ký giáp ranh của 3 nhà ở phía Đông thửa đất và được nhà nước công nhận, nên đất thuộc quyền sử dụng hợp pháp của vợ chồng ông.

Ông không đồng ý việc ông Bùi T, bà Cao Thị S yêu cầu ông tháo dỡ, thu dọn toàn bộ tài sản, chặt đốn cây cối trên đất trả lại cho vợ chồng ông T, bà Sương diện tích đất 175,6m², vì vợ chồng ông tặng cho vợ chồng bà H, ông C diện tích đất 160m² (chưa giao đất cho vợ chồng bà H, ông C cụ thể), chứ không tặng cho cây cối, tài sản trên đất và ông được biết vợ chồng bà T, ông T chuyển nhượng cho vợ chồng ông T diện tích 160m² đất chứ không phải 175,6m² đất, vợ chồng ông chỉ có trách nhiệm giao cho ông T, bà S 160m². Ông T, bà S chỉ nhận chuyển nhượng diện tích đất 160m² mà lại sử dụng 175,6m² là chiếm đất của vợ chồng ông nên ông cản trở là đúng pháp luật. Vợ chồng ông không đồng ý theo yêu cầu bồi thường về tiền công thợ, xi măng ướm, tiền công chở như yêu cầu của vợ chồng ông T, bà S.

Trước đây vợ chồng ông yêu cầu buộc ông Bùi T và bà Cao Thị S bồi thường cho vợ chồng ông 2.100.000 đồng, trong đó 3 cây cau là 300.000 đồng, 1 cây măng cầu là 100.000 đồng, 4 cây chuối là 200.000 đồng và 1.260 viên gạch 6 lỗ là 1.500.000 đồng. Nhưng tại phiên hòa giải và tại phiên tòa sơ thẩm ông thay đổi yêu cầu, ông yêu cầu ông Bùi T và bà Cao Thị S bồi thường cho vợ chồng ông 2 cây cau là 200.000 đồng, 1 cây măng cầu là 100.000 đồng, 4 cây chuối là 200.000 đồng, 1.000 viên gạch 6 lỗ là 1.190.000 đồng, tổng cộng là 1.690.000 đồng.

Tại Biên bản hòa giải ngày 24/8/2017 bị đơn anh Cao Phi H1 trình bày: Anh thống nhất với lời trình bày của ông Cao Văn H. Gia đình anh đã sử dụng thửa đất ổn

định từ năm 1982, đã xây dựng tường rào kiên cố, đến năm 2002 tách thửa đã được các hộ lân cận ký giáp ranh phần đất gia đình anh đang sử dụng, phía Đông giáp với 3 hộ là ông T, ông M, ông N và đã được nhà nước công nhận phần giáp ranh này.

Khi đo vẽ việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không vẽ đúng thực tế sử dụng, làm ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của gia đình anh.

Tại bản tự khai ngày 18/10/2016 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Cao Thị Lệ H, ông Phạm Hồng C trình bày:

Năm 2012, ông Cao Văn H (cha của bà H) có cho ông, bà một thửa đất rộng 5m, dài 32m, tổng cộng 160m², đã được Ủy ban nhân dân huyện S cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Năm 2016 ông, bà chuyển nhượng thửa đất trên cho ông T, bà T. Trước khi chuyển nhượng, bà T và cha bà T có xem đất nhìn thấy thực địa, có đưa giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà T xem, vợ chồng bà T không có ý kiến và chấp nhận mua mảnh đất trên với diện tích 160m², rộng 5m, dài 32m. Hai bên đã làm hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất nhưng chưa giao đất trên thực tế.

Tại bản tự khai ngày 18/10/2016 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trương Văn T, bà Nguyễn Thị Đăng T trình bày: Ngày 29/02/2016, tại Phòng công chứng số 1 tỉnh Quảng Ngãi, ông C, bà H chuyển nhượng cho ông, bà thửa đất số 598, tờ bản đồ số 23, diện tích 160m². Trước khi ký hợp đồng chuyển nhượng, bà H có dẫn ông, bà đi xác định vị trí lô đất. Sau đó ông, bà chuyển nhượng lại thửa đất cho vợ chồng ông T, bà S.

Tại Đơn khởi kiện phản tố ngày 05/12/2017, Đơn sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện phản tố ngày 19/01/2017, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Lệ H trình bày:

Vợ chồng bà yêu cầu buộc vợ chồng ông T và bà S bồi thường cho vợ chồng bà 2.100.000 đồng, trong đó 3 cây cau là 300.000 đồng, 01 cây măng cầu là 100.000 đồng, 4 cây chuối là 200.000 đồng và 1.260 viên gạch 6 lỗ là 1.500.000 đồng. Tại Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ bà thống nhất lại chỉ có thiệt hại 02 cây cau, 01 cây măng cầu, 04 cây chuối, 1.000 viên gạch 6 lỗ do tường bị đập.

Tại biên bản ngày 06/01/2017 ông Trần Thanh H là người đại diện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân thành phố Q trình bày:

Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 598 và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 77, tờ bản đồ số 23 cho vợ chồng ông H là thực hiện tách thửa từ thửa số 77 thành 02 thửa, là thửa đất số 598 và thửa đất số 77, việc tách 2 thửa đất nói trên đảm bảo đúng theo quy định pháp luật.

Tại Biên bản ngày 23/12/2016 ông Trần Quang M là người đại diện theo pháp luật của Ủy ban nhân dân phường T trình bày:

Ranh giới giữa thửa đất số 598 cạnh phía Đông là đường thẳng nhưng hiện trạng cạnh phía Đông của thửa đất số 598 cong về phía Đông. Theo bản đồ đo vẽ năm 1996 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì một phần cạnh phía Đông của thửa đất 598 giáp với mương thoát nước, diện tích mương thoát nước, kích thước mương thoát nước không rõ, mương thoát nước có hay không thì không rõ, ai lấn mương thoát nước không rõ.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 35/2017/DS-ST ngày 18/9/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vợ chồng ông Bùi T, bà Cao Thị S về yêu cầu áp dụng các biện pháp bảo vệ quyền sở hữu. Chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn vợ chồng ông Bùi T, bà Cao Thị S về yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản.

+ Buộc ông Cao Văn H, anh Cao Phi H1 phải chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật đối với quyền sử dụng đất hợp pháp của vợ chồng ông Bùi T, bà Cao Thị S tại thửa đất số 598, tờ bản đồ số 23, diện tích 160m² tọa lạc tại phường T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, số phát hành BH 991501, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: “CH” 01624 do Ủy ban nhân dân huyện S cấp ngày 09/01/2012, đã được Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Quảng Ngãi-chi nhánh thành phố Q xác nhận chính lý quyền sử dụng đất cho vợ chồng ông Bùi T, bà Cao Thị S vào ngày 10/5/2016.

+ Buộc ông Cao Văn H, bà Nguyễn Thị Lệ H tháo dỡ, thu dọn các công trình kiến trúc gồm: 02 đoạn tường xây gạch phía Đông: Đoạn 1 cao 3m, dài 5,5m, đoạn 2 cao 2,5m, dài 6,6m; 01 đoạn tường gạch cao 2,5m, dài 5m ở phía Nam; 02 trụ bê tông hình vuông cạnh 0,2m; móng, nền, tường còn lại của ki ốt và chặt đốn 02 cây cau cao 8m, đường kính 0,2m; 03 cây chuối; 01 cây đu đủ cao 5m, đường kính 0,18m; 01 cây khế có 02 nhánh, đường kính mỗi nhánh 0,15m; 01 cây mai cao 1,6m, đường kính 0,03m để trả lại cho ông Bùi T, bà Cao Thị S diện tích đất 160m² (diện tích đất 160m² có sơ đồ kích thước trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất) thuộc thửa đất số 598, tờ bản đồ số 23, tọa lạc tại tổ dân phố L, phường T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi theo “Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất” số BH 991501, số vào sổ cấp giấy chứng nhận “CH” 01624 do UBND huyện S cấp ngày 09/01/2012 đã được Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Quảng Ngãi-chi nhánh thành phố Q chính lý quyền sử dụng đất cho vợ chồng ông Bùi T, bà Cao Thị S vào ngày 10/5/2016.

+ Buộc ông Cao Văn H, anh Cao Phi H1 có trách nhiệm liên đới bồi thường thiệt hại về tài sản cho vợ chồng ông Bùi T, bà Cao Thị S 1.000.000 đồng tiền công thợ. Trong đó chia phần ông Cao Văn H bồi thường 500.000 đồng (năm trăm nghìn đồng), anh Cao Phi H1 bồi thường 500.000 đồng (năm trăm nghìn đồng) cho vợ chồng ông Bùi T, bà Cao Thị S. Không chấp nhận phần yêu cầu của vợ chồng ông Bùi T, bà Cao Thị S yêu cầu ông Cao Văn H, anh Cao Phi H1 bồi thường thiệt hại tài sản 03 bao xi măng ước là 240.000 đồng và tiền công vận chuyển xi măng về và trả là 180.000 đồng.

- Chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Cao Văn H và yêu cầu của bà Nguyễn Thị Lệ H về yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản:

Buộc ông Bùi T bồi thường thiệt hại tài sản cho vợ chồng ông Cao Văn H, bà Nguyễn Thị Lệ H 1.690.000 đồng (một triệu, sáu trăm chín mươi nghìn đồng). Trong đó thiệt hại: 02 cây cau là 200.000 đồng, 1 cây măng cầu là 100.000 đồng, 4 cây chuối là 200.000 đồng, 1.000 viên gạch 6 lỗ là 1.190.000 đồng, tổng cộng là 1.690.000 đồng. Bà Cao Thị S không phải bồi thường thiệt hại về tài sản cho vợ chồng ông Cao Văn H, bà Nguyễn Thị Lệ H.

- Không chấp nhận tại phiên tòa sơ thẩm về việc ông Cao Văn H bổ sung yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, số phát hành BH 991501, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: “CH” 01624 do Ủy ban nhân dân huyện S cấp vào ngày 09/01/2012, đã được Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Quảng Ngãi-Chi nhánh thành phố Q xác nhận chỉnh lý quyền sử dụng đất cho vợ chồng ông Bùi T, bà Cao Thị S vào ngày 10/5/2016.

Ngoài ra bản án còn tuyên về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, án phí dân sự sơ thẩm và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định pháp luật.

Ngày 03 tháng 10 năm 2017 ông Bùi T, bà Cao Thị S có đơn kháng cáo với nội dung: Buộc ông H, anh H1 tiếp tục bồi thường cho ông, bà tiền xi măng bị ướt 6 bao, cửa hàng tính tiền 3 bao là 240.000 đồng và tiền thuê xe chở xi măng về và chở đi trả là 180.000 đồng; không chấp nhận yêu cầu của ông H, bà H về việc buộc vợ chồng ông, bà phải bồi thường cho ông H, bà H số tiền 1.690.000 đồng.

Ngày 03 tháng 10 năm 2017 ông Cao Văn H có đơn kháng cáo với nội dung:

Yêu cầu sửa toàn bộ bản án sơ thẩm theo hướng bác đơn khởi kiện của ông T, bà S, cụ thể là:

Bác yêu cầu chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật về quyền sử dụng đất tại thửa đất số 598, tờ bản đồ số 23, tọa lạc tại phường T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi;

Không đồng ý bồi thường số tiền thiệt hại ngoài hợp đồng là 1.000.000 đồng cho ông T, bà S;

Không đồng ý việc ông và bà H phải tháo dỡ toàn bộ vật kiến trúc, chặt phá cây lâu niên, cây ăn trái, cây cảnh tại thửa đất số 598 về phía Nam, vì tài sản này là của ông, bà H.

Ngày 03 tháng 10 năm 2017 ông Cao Phi H1 có đơn kháng cáo với nội dung: Yêu cầu sửa toàn bộ bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T, bà S. Anh không đồng ý bồi thường số tiền thiệt hại ngoài hợp đồng là 1.000.000 đồng cho ông T, bà S;

Phát biểu quan điểm của luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông H:

- Trong hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa ông Cao Văn H, bà Nguyễn Thị Lệ H, anh Cao Phi H1 và bà Cao Thị Lệ H, ông Phạm Hồng C không ghi về tài

sản trên đất, như vậy tài sản trên đất là của vợ chồng ông H, ông T đồn chặt cây và tháo dỡ công trình kiến trúc của ông H thì phải bồi thường cho vợ chồng ông H.

- Bản án sơ thẩm tuyên ông T phải bồi thường thiệt hại về cây cối và công trình kiến trúc do ông T đồn chặt của vợ chồng ông H là phù hợp. Như vậy ông T cũng có lỗi nên ông H cản trở không cho ông T nhận đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là phù hợp, nhưng bản án buộc ông H chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là không đúng.

- Các bên đang tranh chấp đối với thửa đất số 598, nhưng Ủy ban nhân dân phường T cho phép ông T thi công xây tường rào là không đúng chức năng, vì cấp phường chỉ có chức năng hòa giải, nếu hòa giải không thành thì các bên khởi kiện đến Tòa án.

- Thửa đất số 77 của ông H sử dụng từ lâu, ông đã xây tường nên phần đất 15,6m² là của ông H, nhưng bản án sơ thẩm không giải quyết 15,6m² đất này là không giải quyết triệt để vụ án.

Do tòa án cấp sơ thẩm có những sai sót trong quá trình thu thập chứng cứ và chưa giải quyết triệt để vụ án nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm.

Phát biểu quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi:

- Về tố tụng:

+ Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký và đương sự chấp hành đúng quy định Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Ông T yêu cầu ông H giao 175,6m² đất, nhưng tại phiên tòa sơ thẩm ông rút yêu cầu đòi 15,6m², ông chỉ yêu cầu đòi ông H trả 160m² đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận việc rút yêu cầu khởi kiện của ông T, bà S, nhưng không đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện của ông T, bà S đối với 15,6m² đất là thiếu sót.

- Về nội dung: Tại phiên tòa phúc thẩm ông H, anh H1 thay đổi nội dung kháng cáo, ông H, anh H1 yêu cầu cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm. Ông T, bà S vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo. Xét kháng cáo của ông T, bà S yêu cầu ông H bồi thường thiệt hại do 03 bao xi măng bị ướt là 240.000đ và tiền công vận chuyển xi măng đến thửa đất và chở đi trả là 180.000đ, ông không chấp nhận bồi thường thiệt hại cho ông H tiền đồn chặt cây thì thấy: Ông không chứng minh xi măng bị ướt là do lỗi của ông H, ông H1, về vận chuyển xi măng thì ông phải chịu toàn bộ là phù hợp. Những tài sản trên đất là của ông H, nên buộc ông T bồi thường thiệt hại về tài sản cho ông H là phù hợp. Nên, không chấp nhận nội dung kháng cáo này của ông T, bà S. Đối với kháng cáo của ông H, anh H1 không có căn cứ để hủy bản án sơ thẩm. Do đó, không chấp nhận nội dung kháng cáo của nguyên đơn và bị đơn, đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông H, anh H1 thay đổi nội dung kháng cáo, các ông yêu cầu hủy bản án sơ thẩm. Ông T, bà S giữ nguyên nội dung kháng cáo.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét kháng cáo của ông H, ông H1 thì thấy:

Thửa đất số 77, tờ bản đồ số 23, diện tích 500m² của vợ chồng ông H được Ủy ban nhân dân huyện S cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 30/9/2004. Theo sơ đồ thì cạnh phía Đông của thửa đất số 77 là một đường thẳng theo hướng Bắc - Nam, giáp với thửa đất số 74 của vợ chồng ông T về phía Đông-Bắc và giáp với mương thoát nước về phía Đông - Nam.

Năm 2011 ông H làm thủ tục tách thửa 77 diện tích 500m² thành 2 thửa. Ngày 22/11/2011, Ủy ban nhân dân huyện S cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 2 thửa là thửa 77, diện tích 340m² và thửa 598, diện tích 160m². Thửa 598 giáp với thửa đất của ông T, cạnh phía Đông của thửa 598 vẫn là một đường thẳng.

Ngày 29/12/2011, vợ chồng ông H, Cao Phi H1 làm hợp đồng tặng cho quyền sử dụng quyền sử dụng đất cho bà Cao Thị Lệ H, ông Nguyễn Hồng C thửa đất số 589. Ngày 09/01/2012, Ủy ban nhân dân huyện S cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BH 991501 cho vợ chồng bà H, ông C, trong hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và làm thủ tục cấp giấy chứng nhận không thể hiện tài sản trên đất. Ngày 29/02/2016 vợ chồng bà H, ông C chuyển nhượng thửa đất số 598, diện tích 160m² cho vợ chồng ông Trương Văn T, bà Nguyễn Thị Đăng T, trong Hợp đồng chuyển nhượng không thể hiện tài sản trên đất, khi chuyển nhượng không đo đạc xác định mốc giới mà chỉ căn cứ vào hiện trạng theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và được Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Quảng Ngãi - Chi nhánh thành phố Q chỉnh lý chuyển tên tại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BH 991501. Ngày 20/4/2016, vợ chồng ông T, bà T lập hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho vợ chồng ông Bùi T, bà Cao Thị S và được Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Quảng Ngãi - Chi nhánh thành phố Q chỉnh lý tại trang 4 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BH 99150, trong hợp đồng chuyển nhượng không thể hiện có tài sản và các bên cũng không đo đạc xác định mốc giới. Ngày 13/7/2016, ông T mời Ủy ban nhân dân phường T đến để kéo dây phân định mốc giới thì ông H, anh H1 không đồng ý. Ngày 09/8/2016, ông T mua vật liệu xây dựng để làm tường rào thì xảy ra tranh chấp với ông H, anh H1. Ông H nêu lý do là trước năm 1999 ông trồng một hàng bạch đàn, đến năm 1999 hàng bạch đàn đổ thì ông xây tường rào bằng gạch theo hàng bạch đàn, nên ông chỉ đồng ý giao đất cho vợ chồng ông T ranh giới thửa đất theo hàng rào ông đã xây tường, hàng rào này không xây theo đường thẳng mà cong về phía thửa đất số 74 của ông T. Nếu theo yêu cầu của ông H thì đường ranh giới giữa thửa đất số 77 với thửa đất 598 (cách phía Đông thửa đất số 77) sẽ cong về phía thửa 598. Vợ chồng ông T, bà S yêu cầu nhận thửa đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp đôi với thửa đất số 598, diện tích 160m², theo sơ đồ thì cách phía Đông và cách phía Tây đều là đường thẳng.

[2.2] Xét thấy, thửa đất số 77 cấp cho vợ chồng ông H, bà H theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì cạnh phía Đông giáp với thửa 74 của vợ chồng ông T, bà

S là đường thẳng, tương ứng với thửa đất 74 cấp cho vợ chồng ông T, bà S theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì cạnh phía Tây giáp thửa 77 cũng là đường thẳng. Khi ông H tách thửa đất số 77, diện tích 500m² thành thửa 77, diện tích 340m², và thửa 598, diện tích 160m², ranh giới thửa 77 với thửa 598 là một đường thẳng, về phía Đông thửa 598 giáp với thửa 74 ranh giới vẫn là đường thẳng, việc tách thửa thực hiện đúng trình tự thủ tục. Ông H làm đơn xin tách thửa, sau đó có công chức địa chính, Ủy ban nhân dân thị trấn S lập biên bản kiểm tra thực địa kèm theo trích lục địa chính để xác định phần đất được tách để làm căn cứ cấp giấy chứng nhận. Ông H khai việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa 598 không đúng thực tế. Tuy nhiên, khi tiến hành làm hồ sơ tách thửa do ông H trực tiếp gửi đơn, không ủy quyền cho người khác, ông trực tiếp ký vào biên bản kiểm tra thực địa (bút lục 185-188), việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ông không khiếu nại, do đó lời khai của ông không có căn cứ. Như vậy vợ chồng ông T, bà S khi nhận thửa đất 598, tờ bản đồ số 23, diện tích 160m² phải được nhận đúng theo sơ đồ của giấy chứng nhận, hai cạnh ranh giới với thửa đất số 77 về phía Tây và về phía Đông đều phải là đường thẳng. Ông H, ông H1 cản trở không cho ông T nhận đất theo giấy chứng nhận là không đúng pháp luật. Bản án sơ thẩm buộc ông H, anh H1 chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật, ông H phải tháo dỡ thu dọn các công trình kiến trúc và đốn chặt cây trên đất để giao đất cho vợ chồng ông T được sử dụng đất theo giấy chứng nhận đối với thửa đất số 598 của vợ chồng ông T là đúng pháp luật.

Việc giao đất cho ông T theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sẽ dẫn đến có một phần đất nằm giữa hai thửa đất số 598 và thửa đất số 74 diện tích 15,6m² (theo biên bản xem xét và đo đạc ngày 09/6/2017) phần đất này chưa xác định quyền sử dụng. Việc xác định quyền sử dụng thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân thành phố Q. Phần đất này không có tranh chấp và không yêu cầu nên tòa án cấp sơ thẩm không giải quyết là đúng pháp luật.

[2.3] Về yêu cầu bồi thường thiệt hại:

- Xét kháng cáo của ông T, bà S không chấp nhận bồi thường thiệt hại về tài sản cho ông H, bà H thì thấy:

+ Trong hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất thửa đất số 598 của vợ chồng ông H, bà H cho vợ chồng bà H, ông C không ghi về tài sản trên đất. Khi vợ chồng bà H, ông C chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho vợ chồng ông T, bà T cũng không đề cập đến việc giải quyết về tài sản. Vợ chồng bà H, ông C chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho vợ chồng ông T, bà S cũng không nói đến tài sản. Khi ông T thực hiện quyền sử dụng đất đã báo ông H dỡ dọn tài sản, thì ông H nói đất của ông T thì ông T cứ làm (Tại biên bản phiên tòa sơ thẩm). Do đó, các tài sản có trong thửa đất số 598, diện tích 160m² ông T đốn chặt gồm: 02 cây cau trị giá 200.000đ; 01 cây măng cầu trị giá 100.000đ; 04 cây chuối trị giá 200.000đ, tổng cộng là 500.000đ không thể buộc ông T bồi thường cho ông H, anh H1 như bản án sơ thẩm đã tuyên. Nên chấp nhận nội dung kháng cáo này của ông T.

+ Đối với việc ông T tháo dỡ hàng rào bằng gạch phía Đông thuộc phần đất 15,6m², cấp sơ thẩm xác định gây thiệt hại cho ông H 1.000 viên gạch 6 lỗ, thì phần

đất này không nằm trong thửa đất số 598, hiện nay phần đất này chưa xác định quyền sử dụng. Ông T thừa nhận bức tường này do ông H xây, nên phải buộc ông T bồi thường cho vợ chồng ông H thiệt hại 1.000 viên gạch 6 lỗ là 1.190.000đ là phù hợp, nên không chấp nhận nội dung kháng cáo này của ông T. Tuy nhiên, ông T tháo dỡ tường rào xây bằng gạch, không phải ông T làm hư hỏng gạch, lẽ ra phải xác định thiệt hại là giá trị còn lại của tường rào để buộc bồi thường, nhưng cấp sơ thẩm lại xác định thiệt hại là gạch là không chính xác, nhưng không bên nào kháng cáo nên không cần thiết phải sửa bản án phần này, cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

- Đối với kháng cáo của ông T yêu cầu ông H, anh H1 bồi thường 03 bao xi măng bị ướt trị giá 240.000đ; bồi thường tiền công vận chuyển xi măng 180.000đ thì ông T không chứng minh được xi măng ướt do lỗi của ông H, anh H1 nên cấp sơ thẩm không buộc ông H, anh H1 bồi thường là đúng. Đối với tiền vận chuyển xi măng đến và trả lại cửa hàng thì thấy, ông T mua xi măng để tiến hành xây dựng nên tiền chở xi măng đến thửa đất tiền công 90.000đ là ông T phải chịu, nhưng do ông H, anh H1 cản trở không cho ông T làm, nên buộc ông T phải chở xi măng đi trả là lỗi của ông H, anh H1, nên phải buộc ông H, anh H1 trả cho vợ chồng ông T tiền công chở đi trả lại xi măng là 90.000đ là phù hợp. Nên, chấp nhận một phần nội dung kháng cáo của ông T về nội dung này, buộc ông H, anh H1 phải liên đới bồi thường cho vợ chồng ông T, bà S tiền công chở xi măng đi trả là 90.000đ.

[2.4] Xét kháng cáo của ông H, anh H1 yêu cầu hủy bản án sơ thẩm thì thấy: Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của ông Bùi T về yêu cầu bồi thường thiệt hại. Đối với việc thu thập chứng cứ thì cấp sơ thẩm đã thu thập đầy đủ để giải quyết vụ án. Đối với yêu cầu giải quyết 15,6m² do không có tranh chấp, nên Tòa cấp sơ thẩm không giải quyết là phù hợp, Tòa cấp sơ thẩm không vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng nên không có căn cứ hủy án sơ thẩm. Do đó, không chấp nhận nội dung kháng cáo của ông Cao Văn H, Cao Phi H1.

[2.5] Trong giai đoạn giải quyết sơ thẩm ông T yêu cầu ông H trả lại phần đất có diện tích 175,6m², nhưng tại phiên tòa sơ thẩm ông rút yêu cầu đối với 15,6m², ông chỉ yêu cầu ông H trả 160m² đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận việc rút yêu cầu khởi kiện của ông T, nhưng không áp dụng điểm c, khoản 1 Điều 217 để đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện của ông T là thiếu sót.

Các nội dung khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên có hiệu lực pháp luật kể từ thời điểm hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Do sửa bản án dân sự sơ thẩm nên ông H, anh H1, ông T, bà S không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Phát biểu quan điểm của đại diện Viện kiểm sát phù hợp một phần với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận một phần.

Phát biểu quan điểm của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm c, khoản 2 Điều 217, khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 35/2017/DS-ST ngày 18/9/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Q, chấp nhận một phần kháng cáo của ông Bùi T, bà Cao Thị S về việc bồi thường thiệt hại về tài sản; Không chấp nhận kháng cáo của ông Cao Văn H, anh Cao Phi H1.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện của vợ chồng ông Bùi T, bà Cao Thị S về việc yêu cầu vợ chồng ông Cao Văn H, bà Nguyễn Thị Lệ H phải trả 15,6m² đất nằm giữa thửa đất số 74 và thửa đất số 598, tại tổ dân phố L, phường T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của vợ chồng ông Bùi T, bà Cao Thị S, buộc ông Cao Văn H, anh Cao Phi H1 phải chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật đối với việc sử dụng quyền sử dụng đất hợp pháp của vợ chồng ông Bùi T, bà Cao Thị S tại thửa đất số 598, tờ bản đồ số 23, diện tích 160m², tại phường T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất, số phát hành BH 991501, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: “CH” 01624 do Ủy ban nhân dân huyện S cấp ngày 09/01/2012, đã được Văn phòng đăng ký đất đai - Chi nhánh thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi xác nhận chính lý quyền sử dụng đất cho vợ chồng ông Bùi T, bà Cao Thị S ngày 10/5/2016.

3. Buộc ông Cao Văn H và bà Nguyễn Thị Lệ H phải tháo dỡ thu dọn các công trình xây dựng gồm: 01 đoạn tường gạch cao 2,5m, dài 05m ở cạnh phía Nam thửa đất; 02 trụ bê tông hình vuông cạnh 0,2m; móng, nền, tường còn lại của ki ốt; chặt 02 cây cau cao 8m, đường kính 0,2m; 03 cây chuối; 01 cây đu đủ cao 5m, đường kính 0,18m; 01 cây khế có 2 nhánh, đường kính mỗi nhánh 0,15m; 01 cây mai cao 1,6m, đường kính 0,03m để trả lại cho ông Bùi T bà Cao Thị S diện tích đất 160m² có sơ đồ, kích thước các cạnh theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 598, tờ bản đồ số 23, tại pH T, thành phố Q như tại phần 2 của Quyết định này (có bản đồ địa chính thửa đất kèm theo).

4. Buộc ông Cao Văn H, anh Cao Phi H1 phải liên đới bồi thường thiệt hại cho vợ chồng ông Bùi T, bà Cao Thị S tiền công thợ hồ là 1.000.000đ và tiền vận chuyển xi măng đi trả là 90.000đ. Trong đó ông Cao Văn H phải bồi thường 545.000đ (năm trăm bốn mươi lăm ngàn đồng), ông Cao Phi H1 phải bồi thường 545.000đ (năm trăm bốn mươi lăm ngàn đồng). Không chấp nhận yêu cầu của vợ chồng ông Bùi T, bà Cao Thị S buộc ông Cao Văn H, ông Cao Phi H1 bồi thường thiệt hại 03 bao xi măng là 240.000đ và tiền công vận chuyển xi măng 90.000đ.

5. Chấp nhận một phần phản tố của ông Cao Văn H và yêu cầu độc lập của bà Nguyễn Thị Lệ H buộc ông Bùi T bồi thường thiệt hại 1.000 viên gạch 6 lỗ là

1.190.000đ (một triệu một trăm chín mươi ngàn đồng). Không chấp nhận yêu cầu của ông Cao Văn H, bà Nguyễn Thị Lệ H yêu cầu ông Bùi T bồi thường 02 cây cau, trị giá 200.000đ; 01 cây măng cầu trị giá 100.000đ; 4 cây chuối trị giá 200.000đ, tổng cộng là 500.000 đ.

6. Không chấp nhận tại phiên tòa sơ thẩm về việc ông Cao Văn H bổ sung yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, số phát hành BH 991501, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận: “CH” 01624 do Ủy ban nhân dân huyện S cấp vào ngày 09/01/2012, đã được Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Quảng Ngãi-Chi nhánh thành phố Q xác nhận chỉnh lý quyền sử dụng đất cho vợ chồng ông Bùi T, bà Cao Thị S vào ngày 10/5/2016.

7. Về án phí:

Về án phí sơ thẩm:

- Vợ chồng ông Bùi T, bà Cao Thị S phải chịu 300.000 đồng và ông Bùi T phải chịu 300.000 đồng, nhưng vợ chồng ông Bùi T, bà Cao Thị S được miễn tiền án phí theo Thông báo số 130/TB-TA ngày 29/8/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Q nên không phải nộp. Hoàn trả lại 500.000 đồng (năm trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí cho vợ chồng ông Bùi T, bà Cao Thị S theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số: AA/2014/0002045 ngày 30/9/2016 và Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số: AA/2014/0004511 ngày 27/02/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Q.

- Ông Cao Văn H phải chịu 250.000 đồng nhưng ông H được miễn tiền án phí theo Thông báo số 127/TB-TA ngày 28/8/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Q nên không phải nộp.

- Bà Nguyễn Thị Lệ H phải chịu 100.000 đồng (một trăm nghìn đồng), nhưng vợ chồng bà H, ông H đã nộp tạm ứng án phí 200.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số: AA/2014/0002661 ngày 10/02/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Q nên được khấu trừ, hoàn trả lại cho vợ chồng bà Nguyễn Thị Lệ H, ông Cao Văn H 100.000 đồng (một trăm nghìn đồng).

- Ông Cao Phi H1 phải chịu 250.000 đồng (hai trăm năm mươi nghìn đồng).

Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông H, anh H1, ông T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Khấu trừ số tiền tạm ứng dân sự phúc thẩm anh Cao Phi H1 đã nộp là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tại Biên lai số AA/2016/0001723 ngày 16/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Q vào số tiền án phí dân sự sơ thẩm anh H1 phải nộp là 250.000đ (Hai trăm năm mươi ngàn đồng), hoàn trả cho anh H1 50.000đ (Năm mươi ngàn đồng).

8. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Là 4.328.000 đồng (Bốn triệu ba trăm hai mươi tám ngàn đồng), vợ chồng ông Bùi T, bà Cao Thị S đã nộp nên vợ chồng ông Cao Văn H, bà Nguyễn Thị Lệ H hoàn trả cho vợ chồng ông Bùi T, bà Cao Thị S là 2.164.000 đồng (hai triệu, một trăm sáu mươi bốn ngàn đồng), ông Cao Phi H1 phải hoàn trả cho vợ chồng ông Bùi T, bà Cao Thị S là 2.164.000 đồng (hai triệu, một trăm sáu mươi bốn ngàn đồng).

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bên phải thi hành án chậm thi hành thì phải trả lãi đối với số tiền chậm thi hành án tương ứng với thời gian chậm thi hành án theo mức lãi suất do bên được thi hành án và bên phải thi hành án thỏa thuận; nếu không thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- TAND TP Quảng Ngãi;
- Chi cục THADS TP Quảng Ngãi;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Võ Minh Tiến